

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở -ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 8/3/1976 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Nghi Mỹ, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 105, Tổ 5, khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 105, Tổ 5, khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983 704 041

E-mail: xuanhuongfuv@gmail.com; huongntx@vnuf.edu.vn

7. Quá trình công tác

- Từ tháng 4/1999 đến tháng 10/2011: Giảng viên bộ môn Quản trị doanh nghiệp, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp;

- Từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2012: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp;

- Từ 10/2012 - 10/2022: Giảng viên, Trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, trường Đại học Lâm nghiệp;

- Từ tháng 1/6/2023- nay: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn - Phụ trách bộ môn Quản trị doanh nghiệp, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, trường Đại học Lâm nghiệp;

Chức vụ hiện nay: Chi uỷ viên Chi bộ khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Phó trưởng Bộ Quản trị doanh nghiệp, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Quản trị doanh nghiệp

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 33840233

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng đại học hệ chính quy ngày 20 tháng 8 năm 1998; số văn bằng: 73729; số vào sổ: ĐT36; ngành: Kinh tế đầu tư;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

- Được cấp bằng đại học hệ tại chức ngày 02 tháng 6 năm 1999; số văn bằng: 041799; số vào sổ: 16482; ngành: Tiếng Anh;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng đại học hệ tại chức ngày 12 tháng 10 năm 1999; số văn bằng: 041910; số vào sổ: 18791; ngành: Tiếng Trung;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 01 tháng 03 năm 2005; số văn bằng: 10298920050200001; Ngành: Khoa học và kỹ thuật gỗ;

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Lâm nghiệp Nam Kinh, Trung Quốc

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 06 năm 2011; số văn bằng: 1029822011000052; Ngành: Quản lý kinh tế lâm nghiệp;

Nơi cấp bằng TS: Đại học Lâm nghiệp Nam Kinh, Trung Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng 1: Kinh tế và quản lý đầu tư; quản lý chương trình và dự án:** Quản lý và đánh giá các hoạt động đầu tư trong lĩnh vực công và các lĩnh vực đầu tư của các chủ thể khác trong nền kinh tế; Xây dựng và tổ chức quản lý thực hiện, đánh giá các dự án đầu tư.
- **Hướng 2: Liên kết, tổ chức sản xuất nông lâm nghiệp, chuỗi giá trị sản phẩm nông lâm nghiệp:** Nghiên cứu các vấn đề liên kết, tổ chức sản xuất trong nông lâm nghiệp, xây dựng, đánh giá các chuỗi giá trị nông, lâm sản; Nâng cấp chuỗi giá trị nông sản
- **Hướng 3: Chất lượng dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ hành chính công):** Nghiên cứu và ứng dụng các mô hình đánh giá sự hài lòng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, dịch vụ hành chính công.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (phụ) 01 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ năm 2021;
- Trong 3 năm trở lại đây, đã hướng dẫn 14 học viên cao học ngành Quản lý kinh tế, đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ đạt kết quả tốt;
- Đã thực hiện hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp cơ sở, cụ thể:
 - + Chủ trì 01 đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2013, đã nghiệm thu, đạt kết quả: loại giỏi;
 - + Chủ trì 02 đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2015, đã nghiệm thu, đạt kết quả: loại giỏi;
- Tham gia với vai trò tư vấn độc lập nhiệm vụ: "REDD+ Finance Tracking Activity" với tổ chức Forest Trend, tháng 5/2013, đã nghiệm thu đạt kết quả tốt.
- Tham gia với vai trò **thành viên chính** nhiệm vụ đặt hàng của bộ NN & PTNT: "*Xây dựng định mức KTKT trong điều tra đa dạng sinh học và diễn biến rừng năm 2020*", đã được nghiệm thu, đạt kết quả tốt;
- Tham gia với vai trò **thành viên chính** nhiệm vụ đặt hàng của bộ NN & PTNT: "*Xây dựng định mức KTKT và đơn giá dịch vụ đào tạo đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng; ngành Khoa học cây trồng*" năm 2022, đã được nghiệm thu bước 1, hiện đang trong quá trình hoàn thiện để ban hành các định mức và đơn giá có liên quan.
- Tham gia với vai trò **tư vấn độc lập** nhiệm vụ: "*Xây dựng định mức và hướng dẫn kỹ thuật giám sát đa dạng sinh học*" với tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (World Wide Fund for Nature - WWF) năm 2022 trong khuôn khổ dự án "Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học" do cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, đã được nghiệm thu, đạt kết quả tốt.
- Đã công bố 41 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có phản biện, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (**Trong đó có 3 bài là tác giả chính, 04 bài là tác giả liên hệ**)

- Số lượng sách đã xuất bản: gồm 01 giáo trình **Thương mại điện tử** tại Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

15. Khen thưởng: Không

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt 23 năm công tác tại Trường Đại học Lâm nghiệp với vai trò là một giảng viên, người lãnh đạo bộ môn, Chi uỷ viên chi bộ Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Thành viên hội đồng Khoa học và đào tạo khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, ứng viên xin tự đánh giá bản thân dựa vào các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

- **Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:** luôn có phẩm chất đạo đức tốt, có mối quan hệ hài hoà với đồng nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành tuyệt đối chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Ứng viên luôn có tinh thần đoàn kết, giữ mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, sẵn sàng chia sẻ cùng đồng nghiệp và sinh viên trong giảng dạy và nghiên cứu.
- **Về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học:** Ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao, luôn tâm huyết với nghề, giữ đúng tác phong và đạo đức của một nhà giáo. Ứng viên luôn có ý thức tự rèn luyện bản thân, học tập nâng cao trình độ, tích cực tham gia thực hiện và hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.
- **Về phát triển cộng đồng:** Bên cạnh hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn quan tâm đến công tác phát triển cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ, tập huấn trong các chương trình giảm nghèo, chương trình quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, chương trình đào tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ NN & PTNT; là tư vấn cho một số nghiên cứu của Forest Trend, WWF.
- **Về công tác khác:** Ứng viên cũng tích cực tham gia công tác khác của Khoa và Nhà trường như: xây dựng đề án mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Tham gia công tác kiểm định trường và kiểm định các ngành trong Khoa (Ngành QTKD năm 2019, ngành Ths Quản lý kinh tế năm 2022). Với vai trò trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp - Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh (từ 2012-2022), ứng viên luôn cố gắng làm tốt công tác chỉ đạo chuyên môn trong đào tạo 2 ngành học bậc đại học: Ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành; tích cực tham gia các hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài các cấp, nghiệm thu sách, giáo trình, bài giảng trong và ngoài Kho

Với những nỗ lực và kết quả đạt được trong suốt 23 năm công tác, ứng viên xét thấy mình đáp ứng đủ tiêu chuẩn xét tuyển chức danh phó giáo sư theo quy định. Do vậy, ứng viên kính mong Hội đồng xem xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 năm

Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	0	1	3	0	179,5	150	329,5/558,95/248
2	2018-2019	0	0	3	0	267	435	702/1156/248
3	2019-2020	0	0	3	0	166	330	496/827/248
4	2020-2021	0	0	3	0	311	690	1001/1488,95/201
5	2021-2022	0	0	3	0	133	480	613/1006,2/201
6	2022-2023	0	0	3	0	103	300	403/658,8/201

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ tại chức, chuyên ngành: tiếng Anh

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác .

3.2. Tiếng Trung Quốc (văn bằng, chứng chỉ): HSK bậc 7/8; Bằng tốt nghiệp đại học tiếng Trung Quốc

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS bằng tiếng Trung Quốc tại Đại học Lâm nghiệp, Nam Kinh, Trung Quốc năm 2005

- Bảo vệ luận văn TS bằng Trung Quốc tại Đại học Lâm nghiệp, Nam Kinh, Trung Quốc năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ tại chức, chuyên ngành: tiếng Trung Quốc

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
I	Hướng dẫn NCS							
1	Nguyễn Thị Mai Hương	x			x	1/2017 – 10/2021	Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương	- Ngày cấp bằng: 26/1/2022; - Số hiệu bằng: 00018; - Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 018
II	Hướng dẫn HVCH							
1	Hoàng Ánh Ngọc		x	x		2020-2022	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2188/QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/12/2021; - QĐ công nhận TN: 2534/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 9/11/2022; - Ngày cấp bằng: 24/11/2022 - Số hiệu: M 000404 - Số vào sổ: ThS.445/2022
2	Vũ Ngọc Sơn		x	x		2020-2022	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2188/QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/12/2021;

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
								<ul style="list-style-type: none"> - QĐ công nhận TN: 2186/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/12/2021; - Ngày cấp bằng: 24/11/2022 - Số hiệu: M 000420 - Số vào sổ: ThS.461/2022
3	Lê Thị Hiếu		x	x		2020-2022	Trường ĐHLN	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ giao đề tài: 2188/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/12/2021; - QĐ công nhận TN 2534/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 9/11/2022; - Ngày cấp bằng: 24/11/2022 - Số hiệu: M 000351 - Số vào sổ: ThS.382/2022
4	Lò Thụy Ái Vi		x	x		2020-2022	Trường ĐHLN	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ giao đề tài: 2188/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/12/2021; - QĐ công nhận TN 2534/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 9/11/2022; - Ngày cấp bằng: 24/11/2022 - Số hiệu: M 000466 - Số vào sổ: ThS.507/2022
5	Nguyễn Thị Hồng Ngao		x	x		2020-2022	Trường ĐHLN	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ giao đề tài: 964/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 1/6/2021; - QĐ công nhận TN: 484/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 11/3/2022; - Ngày cấp bằng: 15/3/2022 - Số hiệu: M 000092 - Số vào sổ: ThS.133/2022

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
6	Vũ Trang Thu		x	x		2020- 2022	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 966/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 1/6/2021; - QĐ công nhận TN: 484/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 11/3/2022; - Ngày cấp bằng: 15/3/2022 - Số hiệu: M 000100 - Số vào sổ: ThS.141/2022
7	Nguyễn Quang Thành		x	x		2019- 2021	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2012/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 2/11/2020; - QĐ công nhận TN : 2063/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 30/11/2021; - Ngày cấp bằng: 8/12/2021 - Số hiệu: A 001069 - Số vào sổ: ThS.169/2021
8	Đào Thế Vinh		x	x		2019- 2021	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2011/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 2/11/2020; - QĐ công nhận TN: 2063/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 30/11/2021; - Ngày cấp bằng: 8/12/2021 - Số hiệu: M 001104 - Số vào sổ: ThS.204/2021
9	Lê Ngọc Phong		x	x		2018- 2020	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2798/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 18/11/2019; - QĐ công nhận TN: 1455/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/8/2020; - Ngày cấp bằng: 28/8/2020 - Số hiệu: M 000551

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
								- Số vào sổ: ThS.208/2020
10	Trần Thị Hoa		x	x		2018-2020	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2842/QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 16/12/2019; - QĐ công nhận TN: 1455/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/8/2020; - Ngày cấp bằng: 28/8/2020 - Số hiệu: M 000508 - Số vào sổ: ThS.165/2020
11	Trần Xuân Kiều		x	x		2018-2020	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2842/QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 16/12/2019; - QĐ công nhận TN: 1455/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 14/8/2020; - Ngày cấp bằng: 28/8/2020 - Số hiệu: M 000521 - Số vào sổ: ThS.178/2020
12	Nguyễn Thị Thanh Bình		x	x		2017-2019	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2717/QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 12/12/2018; -QĐ công nhận TN 1671/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 19/8/2019; - Ngày cấp bằng: 20/8/2019 - Số hiệu: A 000057 - Số vào sổ: 4010
13	Nguyễn Thị Hồng Nhung		x	x		2017-2019	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2717/QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 12/12/2018; - QĐ công nhận TN: 2748/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 30/12/2019; - Ngày cấp bằng: 31/12/2019

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
								- Số hiệu: A000285 - Số vào sổ: 4238
14	Nguyễn Thị Thu Thủy		x	x		2017-2019	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2717/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 12/12/2018; - QĐ công nhận TN: 2748/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 30/12/2019; - Ngày cấp bằng: 31/12/2019 - Số hiệu: A000286 - Số vào sổ: 4239
15	Lê Hoàng		x	x		2017-2019	Trường ĐHLN	- QĐ giao đề tài: 2714/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 28/11/2018; - QĐ công nhận TN 1671/ QĐ- ĐHLN- ĐTSĐH, ngày 19/8/2019; - Ngày cấp bằng: 20/8/2019 - Số hiệu: A000184 - Số vào sổ: 4137

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáo trình Thương mại điện tử	GT	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật	4		Chương 4 (trang 141-190)	- Số 2150/ QĐ - ĐHLN- ĐT, ngày 29/8/2022 về giao NV biên soạn TLTK năm 2022;

						<p>- Số 2910/ QĐ - ĐHLN- ĐT, ngày 20/12/2022 về việc thành lập hội đồng khoa học thẩm định và nghiệm thu giáo trình</p> <p>- Giấy xác nhận sử dụng tài liệu vào giảng dạy tại trường Đại học Lâm nghiệp.</p>
--	--	--	--	--	--	--

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: không

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý và chia sẻ lợi ích trong quản lý và sử dụng rừng đặc dụng tại Vườn quốc gia Ba vì-Hà Nội.	CN	Đề tài cơ sở - Trường Đại học Lâm nghiệp	4- 11/2013	<p>- QĐ giao: 389/QĐ-ĐHLN- KHCN&HTQT, ngày 15/4/2013;</p> <p>- Biên bản nghiệm thu: QĐ 1302/ QĐ-ĐHLN- KHCN&HTQT, ngày 25/11/2013</p> <p>Kết quả: Loại giỏi</p>
2	Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên với dịch vụ cơ sở vật chất và phục vụ tại trường Đại học Lâm nghiệp	CN	Đề tài cơ sở- Trường Đại học Lâm nghiệp	5- 11/2015	<p>- QĐ giao: 630/QĐ-ĐHLN- KHCN&HTQT, ngày 18/5/2015;</p> <p>- Biên bản nghiệm thu: QĐ 2100/ QĐ-ĐHLN- KHCN&</p>

					HTQT, ngày 18/11/2015 Kết quả: Loại giỏi
3	Xây dựng định mức thực hành thực tập đào tạo đại học, trường Đại học Lâm nghiệp	CN	Đề tài cơ sở- Trường Đại học Lâm nghiệp (nhiệm vụ đặt hàng sử dụng kinh phí đào tạo)	5- 11/2015	- QĐ giao: 630/QĐ- ĐHLN- KHCN& HTQT, ngày 18/5/2015; - Biên bản nghiệm thu: Quyết định 2100/ QĐ- ĐHLN- KHCN& HTQT, ngày 18/11/2015 Kết quả: Loại giỏi

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

I	Trước khi được công nhận TS							
1	Một số vấn đề lý luận về tài nguyên và tài sản tài nguyên DLST rừng	01	X	TC Kinh tế sinh thái.			ISSN: 1859-2317, Số 33/2009: 21-25	2009
2	Các phương pháp định giá môi trường	01	X	TC Kinh tế sinh thái			ISSN: 1859-2317, số 36/2010: 29-35	2010
3	Tính hiệu quả và độ tin cậy của phương pháp định giá ngẫu nhiên (CVM)	02	X	TC Kinh tế sinh thái			ISSN: 1859-2317, số 39/2022, 2011:11-17	2011

4	越南巴为国家森林公园生态旅游非使用价值评估 (Non-use Value Evaluation of Ecotourism in Bavi National Park of Vietnam; Base on Comparison of Dichotomous Choice and Payment Card Methods)	02	X	Journal of Nanjing Forestry University (China)			ISSN 1671-1165, CN 32-1607/C, No.1/2011: 74-81	2011
II	Sau khi được công nhận TS							
5	Sắp xếp đổi mới lâm trường quốc doanh ở Việt Nam	01	x	TC Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp (Trường ĐHLN)			ISSN 1859-3828, số 10/2012: 124-129	2012
6	Kiểm định “Hiệu ứng quy mô” trong phương pháp định giá ngẫu nhiên (CVM)	01	X	TC Kinh tế và Phát triển (trường ĐH Kinh tế quốc dân, HN)			số 185 (II), 11/2012: 128-132	2012
7	条件价值评估法在森林生态旅游非使用价值评估中范围效应的研究 (Scope Effects of Contingent Valuation method used for Valuing Forest Ecotourism Non- Use Value)	02	X	Journal of Nanjing Forestry University - China (Natural Science Edition)			ISSN 1000-2006, Vol.37, No.1/2013: 122-126	2013

	http://nldxb.njfu.edu.cn/EN/volumn/volumn_169.shtml							
8	Giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích trong quản lý và sử dụng rừng đặc dụng tại VQG Ba Vì, Hà Nội	02	X	TC Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp (Trường ĐHLN)			ISSN: 1859-3828 số 1, 2014: 109-115	2014
	http://journal.vnuf.edu.vn/journal/1-2014							
9	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình bị thu hồi đất	01	X	TC Kinh tế và Dự báo (Bộ KH & ĐT)			P- ISSN 1859-4972 E- ISSN 2734-9365 số 16, (576): 48-50.	2014
	https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-16-576-17841.html							
10	Ứng dụng mô hình nhân tố khám phá trong nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ khách hàng cá nhân	01	X	TC Nghiên cứu kinh tế (Viện kinh tế, Viện hàn lâm KHXH)			số 3 (442):22-28	2015
11	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên với điều kiện cơ sở vật chất và phục vụ của trường Đại học Lâm nghiệp	03	X	TC Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp (Trường ĐHLN)			ISSN 1859-3828 số 2, 163-172	2016
	http://journal.vnuf.edu.vn/journal/2-2016							
12	Ảnh hưởng của thị trường lúa gạo thế	02	X	TC Nghiên cứu kinh tế (Viện kinh			Số 6 (457): 66-72	2016

	giới đến xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam			tế, Viện hàn lâm KHXH)				
13	Nghiên cứu chuỗi giá trị nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế cây Sơn tra trên địa bàn tỉnh Yên Bái	02	X	TC Nông nghiệp và PTNT (bộ NN & PTNT)			ISSN 1859-4581 Số 313, 11-19	12017
http://www.tapchikhoahocnongnghiep.vn/tap-chi/tinbaicon/258?newpaperid=2								
14	Ứng dụng mô hình EFA trong nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động khuyến nông - Nghiên cứu điểm tại huyện Như Thanh - Thanh Hóa	02	X	TC Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (HVNN Việt Nam)			15 (5): 699- 708	2017
https://tapchi.vnua.edu.vn/so-5-nam-2017								
15	Improving safefruit and vegetables supply chain in Ha Noi	02		Journal of Forestry Science and Technology (bản tiếng anh- Tạp chí KHCN LN)			ISSN 2615 - 9368 No 5, 2017: 186-196	2017
http://journal.vnuf.edu.vn/journal/5-2017								
16	Research model of Competiveness of Vietnam's furniture enterprises	03		Journal of Forestry Science and Technology (Bản tiếng anh- Tạp chí KHCN LN)			ISSN 2615 - 9368 No 5, 2017: 197-204	2017
http://journal.vnuf.edu.vn/journal/5-2017								

17	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn tín dụng cho hộ nghèo từ ngân hàng chính sách xã hội quận Ô môn, TP Cần Thơ	02	X	TC Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp (Trường ĐHLN)			ISSN 1859-3828 số 3/2018: 39-45	2018
http://journal.vnuf.edu.vn/journal/3-2018								
18	Xây dựng và phát triển thương hiệu nhãn chín muộn Đại Thành, huyện Quốc Oai, Hn.	03	X	TC Nông nghiệp và PTNT (Bộ NN & PTNT)			ISSN 1859-4581 số 335/2018: 28-36	4/2018
http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tap-chi/tinbaicon/232?newpaperid=2								
19	Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ du lịch quận Ô Môn, TP Cần Thơ	03	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ KH & ĐT)			P- ISSN 1859-4972 E- ISSN 2734-9365 số 21 (697): 41-44	2018
https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-21-697-17735.html								
20	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua BHYT tự nguyện của người dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	03	X	TC Kinh tế và Phát triển (Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HN)			ISSN 1859-0012 số 252 (II): 113-122	2018
https://ktpt.neu.edu.vn/tim-kiem-tap-chi.aspx?Month=6&Year=2018								
21	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành học của	03		TC Công thương (Bộ Công thương)			ISSN 0866-7756	2018

	sinh viên Đại học Lâm nghiệp.						số 8/2018: 128-134	
22	Chất lượng tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế - Nghiên cứu tại Chi cục Thuế huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	02	X	Tạp chí Kinh tế và QL (Viện kinh tế- Học viện Chính trị quốc gia HCM)			ISSN 1859-4565 số 30/2019: 63-68	2019
23	Giải pháp tăng cường quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp ở VN	3		TC Khoa học & Công nghệ (Trường ĐH công nghiệp Hà Nội)			P-ISSN 1859-3585 E- ISSN, số 55 (2019): 118-125	2019
https://jst-hau.vn/en/published-numbers/journal-of-science-and-technology-no-55-december-2019/63333								
24	Kinh nghiệm nước ngoài về tăng cường quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp và bài học cho Việt Nam	03		TC Nghiên cứu Ấn độ và Châu Á (Viện NC Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện hàn lâm KHXH Việt Nam)			ISSN 0866-7314 số 12/2019: 52-59	2019
25	Vai trò của ngân hàng chính sách xã hội trong phát triển kinh tế xã hội ở huyện đà bắc, tỉnh hoà bình	03		TC Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp (Trường ĐHLN)			ISSN 1859-3828 số 3/2021: 140-146	6/2021
http://journal.vnuf.edu.vn/journal/3-2021								

26	Vai trò của liên kết trong sản xuất nông nghiệp- Nhìn từ mô hình phát triển cây bưởi ở huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình	04		TC Kinh tế và Dự báo (Bộ KH & ĐT)			P- ISSN 1859-4972 E- ISSN 2734-9365 số 35 (789): 76-78	12/2021
https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-35-789-20725.html								
27	Pesticide Risk Reduction of Vegetable Farmers: A Case Study in Vietnam	06		Journal of Environmental Protection	Quốc tế thường IF: 1,15		P. ISSN 2152-2197 E. ISSN 2152-2219 Vol (12), No 12: 1055- 1067	12/2021
https://www.scirp.org/journal/home.aspx?issueid=16074#11384 https://www.scirp.org/journal/paperinformation.aspx?paperid=113841								
28	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế	03		TC Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp (Trường ĐHLN)			ISSN 1859-3828 số 2/2022: 96-106	2022
http://journal.vnuf.edu.vn/journal/2-2022/dao-tao-nguon-nhan-luc-du-lich-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te.html								
29	Thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ cam Cao Phong, Hoà Bình	04		TC Kinh tế và Dự báo (Bộ KH & ĐT)			P- ISSN 1859-4972 E- ISSN 2734-9365 số 36 (826): 154-157	2022
https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-36826-24960.html								

30	Factors influencing the citizens' satisfaction with the quality of public administrative services: a case study in Viet nam	03	X	Journal of Law and Political Science,	ISI, IF: 1.731		P. ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551 Vol. (30). Issue 1- 2022: 190- 212	2022
https://drive.google.com/file/d/1r48KsJxtFXL3s0Q1MWc-SOz6QfL8X-Es/view								
31	Rice Farmers' Perception and Determinants of Climate Change Adaptation Measures: A Case Study in Vietnam	08		Journal of Agrobiotechnology Management & Economics	SCOPUS Q2 h-index: 42		ISSN 1522936X Vol (24), (1),2022: 13-29	2022
https://agbioforum.org/article-view/?id=73								
32	How temperature shocks impact energy poverty in Vietnam: Mediating role of financial development and environmental consideration.	08		Environmental Science and Pollution Research	ISI, IF: 5.2		P.ISSN 0944- 1344 E.ISSN 1614- 7499 Vol 29: 56114-56127	2022
https://link.springer.com/article/10.1007/s11356-022-19672-3								
33	Agricultural supply chain management: A case study in Vietnam.	3	X	Journal of Law and Political Science	ISI IF:1.846		P. ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551 Vol 34, Iss 3 (2022): 2518-5551	2022

	https://drive.google.com/file/d/1b5MbEZYHGrTldGqLXJ2cTxgTlQGNcVX/view							
34	The Role of Financial Inclusion, Green Investment and Green Credit on Sustainable Economic Development: Evidence from Vietnam	06		Cuadernos de Economía	SCOPUS (Q3) h- index: 10		ISSN: 0210-0266 Volume 45, Issue 127: 1-10	2022
	https://cude.es/january-april-2022/ https://cude.es/submit-a-manuscript/index.php/CUDE/article/view/210/192							
35	Green economic development policy in vietnam in the context of industrial revolution 4.0	06	X	Central European Management Journal	SCOPUS (Q3) h index: 10 IF: 0,9		P-ISSN: 2336-2693 E-ISSN: 2336-4890 Vol. 30 Iss. 3 (2022): 2116-2132	2022
	https://journals.kozminski.cems-j.com/index.php/pl_cemj/article/view/2116.html							
36	Model renovation and policy proposal for cooperative development of vietnam	03	X	Journal of Law and Political Science	ISI IF:1.846		P. ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551 Vol (34), Iss 1-2023: 37-59	2023
	https://drive.google.com/file/d/1b5MbEZYHGrTldGqLXJ2cTxgTlQGNcVX/view							
37	The government construction, integrity promotion	06	X	Central European	SCOPUS (Q3)		P-ISSN: 2336-2693 E-ISSN:	2023

	process industrialization, landizationalization and international integration: on the first policy for representatives and scientists in vietnam university of education			Management Journal	h index: 10 IF: 0,9		2336-4890 Vol 31 Iss.1 (2023): 599-613	
	https://journals.kozminski.cems-j.com/index.php/pl_cemj/issue/view/33.html							
38	The Role of Eco-Innovation, Eco - Investing, and Green Bonds in Achieving Sustainable Economic Development: Evendence from VietNam.	08	X	Economic Research- Ekonomiska Istraživanja	SCOPUS (Q1) h -index 35		P-ISSN: 1331-677X E-ISSN: 1848-9664 Vol 36 Iss.2 (2023): 1-21	2023
	https://www.tandfonline.com/doi/epdf/10.1080/1331677X.2023.2169839?needAccess=true&role=button							
39	Cải thiện môi trường để thu hút đầu tư ở tỉnh Hoà Bình	01	X	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế (Viện hàn KHXH Việt Nam			ISSN 0866-7489 số 4(539): 53-63	2023
40	Forestry development in Nghe An province: The current status and policy recommendations	04		Journal of Forestry Sicence and Technology (Bản tiếng anh-TC KHCVN LN)			ISSN 2615-9368, số 15, 2023: 165-176	2023
41	Agricultural Restructure Policy in Vietnam and	05	X	AgBioforum	SCOPUS (Q2)		ISSN	2023

	Practical Application for Sustainable Development on Agriculture.				h index: 42		1522936X 25(1): 49-57	
https://agbioforum.org/menuscrypt/index.php/agb/article/view/199/116								

- Trong đó:

+ Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **03 bài báo** và thứ tự [30], [33], [36];

+ Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả liên hệ sau TS: **04 bài báo** và thứ tự [35], [37], [38], [41];

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng mới: Ngành Công tác xã hội trình độ đại học	UV Tham gia	QĐ xây dựng hồ sơ mở ngành số 15B/QĐ- ĐHLN-ĐT, ngày 9/1/2014	Trường ĐHLN	QĐ 645/ QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 11/4/2016	
2	Xây dựng mới: Ngành Kinh tế nông nghiệp trình độ tiến sĩ	UV Tham gia	QĐ số 2203/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH, ngày 29/7/2015	Trường ĐHLN	QĐ 5775/ QĐ-BGD,ĐT ngày 7/12/2016	
3	Xây dựng mới: Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành trình độ đại học	UV Tham gia	QĐ số 393/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 29/6/2016	Trường ĐHLN	QĐ 2215/ QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 10/10/2019	
4	Xây dựng mới: Ngành Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng trình độ thạc sĩ	UV Tham gia	QĐ số 328/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH, ngày 23/2/2022	Trường ĐHLN	QĐ 892/ QĐ-ĐHLN-ĐTSDH, ngày 29/4/2022	

5	Rà soát, điều chỉnh: Ngành: Quản trị kinh doanh trình độ đại học	UV Tham gia	QĐ số 1502/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 24/8/2020	Trường ĐHLN	QĐ 600/ QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 25/4/2021	
6	Xây dựng mới: Ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng trình độ đại học	UV Tham gia	QĐ số 03/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 4/1/2022	Trường ĐHLN		Đang trong thời gian hoàn thiện hồ sơ
7	Hội đồng tự đánh giá (Kiểm định ngành) Ngành: Cử nhân Quản trị kinh doanh	UV thư ký	QĐ số 863/QĐ-ĐHLN- TCCB, ngày 27/4/2018	Trường ĐHLN	Nghị quyết số 12/NQ- HĐKĐCL, ngày 19/2/2020 (Trung tâm KĐCL-ĐH Quốc gia HN)	Đã hoàn thành năm 2020
8	Hội đồng tự đánh giá (Kiểm định ngành) Ngành Ths Quản lý kinh tế	UV Tham gia	QĐ số 617/QĐ-ĐHLN- TCCB, ngày 20/4/2020	Trường Đại học LN	QĐ số 219/QĐ-KĐCLGD TL, ngày 28/4/2023 (Trung tâm KĐCL Thăng Long)	Đã hoàn thành năm 2023

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thị Xuân Hương